

Số: 1012/QĐ-TCĐCN

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp trung cấp đợt II năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP THANH HOÁ

Căn cứ Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-TCĐCN ngày 29/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa về việc ban hành Quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Kết quả quá trình học tập và thi tốt nghiệp của học sinh trình độ trung cấp năm 2024; Biên bản của Hội đồng thi tốt nghiệp ngày 06 tháng 12 năm 2024;

Theo đề nghị của Hội đồng thi tốt nghiệp đợt II năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng trung cấp cho **399 học sinh**, gồm các nghề:

1. Công nghệ ô tô	139 học sinh
2. Điện công nghiệp	56 học sinh
3. Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	55 học sinh
4. Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông	06 học sinh
5. Điện tử công nghiệp	15 học sinh
6. Công nghệ thông tin (UDPM)	82 học sinh
7. Điện – Nước	06 học sinh
8. May thời trang	23 học sinh
9. Hàn	06 học sinh
10. Cắt gọt kim loại	08 học sinh
11. Nguội sửa chữa máy công cụ	03 học sinh

Trong đó: Giỏi 19 học sinh, đạt tỷ lệ 4,8 %; Khá 145 học sinh, đạt tỷ lệ 36,3%

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.



Điều 3. Các ông (bà) trưởng phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên, trưởng các đơn vị liên quan, giáo viên chủ nhiệm và học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / uu

Nơi nhận:

- BGH (báo cáo);
- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, ĐTCTHSSV.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Anh Tuấn

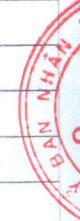


DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP TỐT NGHIỆP ĐỢT II NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 1012/QĐ-TCĐCN ngày 06 tháng 12 năm 2024)



STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Xếp loại	Ghi chú
				ĐTB	ĐTNLT	ĐTNTH	ĐTN		
A	Công nghệ ô tô								
I	Lớp TA16 – Ô tô 2								
1.	Vũ Quốc Duy	04/01/2002	Thanh Hóa	7.1	7.5	7.0	7.1	Khá	
2.	Vũ Lê Quang Huy	05/12/2004	Sơn La	7.3	7.0	7.5	7.3	Khá	
3.	Nguyễn Thanh Minh	17/5/2001	Thanh Hóa	8.0	7.5	9.0	8.2	Giỏi	
4.	Dương Trường Sơn	05/7/2004	Thanh Hóa	7.1	8.0	8.0	7.6	Khá	
5.	Bùi Văn Thiện	20/10/2000	Thanh Hóa	7.4	8.0	8.0	7.7	Khá	
6.	Nguyễn Công Toàn	05/02/2004	Thanh Hóa	7.8	8.0	8.0	7.9	Khá	
7.	Hoàng Khắc Trường	16/8/2004	Thanh Hóa	6.8	7.0	8.0	7.2	Khá	
II	Lớp TB16 - Ô tô 1								
1.	Nguyễn Xuân An	18/08/2007	Thanh Hóa	6.4	6.5	7.0	6.6	Trung bình	
2.	Nguyễn Bá Tuấn Anh	25/01/2007	Thanh Hóa	6.4	7.5	7.0	6.8	Trung bình	
3.	Trần Vương Anh	01/01/2007	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.0	6.3	Trung bình	
4.	Lê Thiêm Bảo	21/3/2007	Thanh Hóa	6.4	6.0	8.0	6.9	Trung bình	
5.	Nguyễn Ngọc Chiến	25/3/2007	Thanh Hóa	6.6	6.0	6.0	6.3	Trung bình	
6.	Trịnh Đình Cường	06/10/2007	Thanh Hóa	6.4	7.0	6.0	6.4	Trung bình	
7.	Lê Quang Dương	20/12/2007	Thanh Hóa	6.5	8.0	7.0	6.9	Trung bình	
8.	Lê Tiên Đạt	13/4/2007	Thanh Hóa	6.2	6.0	6.0	6.1	Trung bình	
9.	Lê Minh Đức	27/9/2007	Thanh Hóa	6.5	8.0	7.0	6.9	Trung bình	
10.	Nguyễn Anh Đức	22/8/2007	Thanh Hóa	6.7	8.0	6.0	6.7	Trung bình	
11.	Trần Minh Đức	11/8/2007	Thanh Hóa	6.4	7.5	6.0	6.4	Trung bình	
12.	Lê Đình Hải	28/9/2007	Thanh Hóa	6.2	7.0	6.0	6.3	Trung bình	
13.	Nguyễn Xuân Hải	20/3/2007	TP. Hồ Chí Minh	6.2	7.0	6.0	6.3	Trung bình	
14.	Ngô Minh Hiếu	09/3/2007	TP. Hồ Chí Minh	6.7	7.5	7.0	6.9	Trung bình	
15.	Nguyễn Hữu Hoàng	04/11/2007	Thanh Hóa	6.5	6.5	6.0	6.3	Trung bình	



Handwritten signature

16.	Nguyễn Văn Huy	Hoàng	24/6/2007	Thanh Hóa	6.5	8.0	7.0	6.9	Trung bình
17.	Lương Ngọc	Hưng	03/11/2007	Thanh Hóa	6.4	7.0	7.0	6.7	Trung bình
18.	Nguyễn Thành	Hưng	25/6/2007	Thanh Hóa	6.2	7.0	6.0	6.3	Trung bình
19.	Hoàng Văn	Khải	14/4/2007	Thanh Hóa	6.2	8.0	6.0	6.4	Trung bình
20.	Lê Nhân	Khân	09/8/2007	Thanh Hóa	6.6	7.5	6.0	6.6	Trung bình
21.	Hoàng Hiếu	Kiên	15/10/2007	Thanh Hóa	6.2	6.5	7.0	6.5	Trung bình
22.	Tạ Tuấn	Kiệt	31/3/2007	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.0	6.3	Trung bình
23.	Nguyễn Văn	Kỳ	19/11/2007	Thanh Hóa	7.1	7.0	7.0	7.1	Khá
24.	Lê Nguyễn Hoài	Linh	23/4/2007	TP. Hồ Chí Minh	6.6	7.5	6.0	6.6	Trung bình
25.	Nguyễn Duy	Mạnh	19/9/2007	Thanh Hóa	6.0	7.0	7.0	6.5	Trung bình
26.	Trần Duy	Mạnh	29/4/2007	Thanh Hóa	6.6	7.5	8.0	7.2	Khá
27.	Trần Văn	Nghĩa	18/3/2007	Phú Thọ	5.9	7.5	7.0	6.6	Trung bình
28.	Hoàng Đức	Nguyên	20/7/2007	Bình Phước	6.6	7.0	7.0	6.8	Trung bình
29.	Tô Vy	Phong	23/6/2007	Thanh Hóa	6.6	6.5	6.0	6.4	Trung bình
30.	Dương Văn	Quân	01/01/2007	Thanh Hóa	6.5	8.0	6.0	6.6	Trung bình
31.	Nguyễn Bá Trần	Quốc	25/7/2007	Thanh Hóa	6.2	7.5	6.0	6.4	Trung bình
32.	Lê Đức	Tấn	16/02/2007	Thanh Hóa	7.0	7.0	7.0	7.0	Khá
33.	Nguyễn Đức	Thái	01/4/2007	Thanh Hóa	6.1	6.5	6.0	6.2	Trung bình
34.	Hoàng Thái	Thành	06/11/2006	Thanh Hóa	6.5	6.0	7.0	6.6	Trung bình
35.	Trịnh Trường	Thịnh	26/01/2007	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.0	6.3	Trung bình
36.	Trịnh Huy	Thuận	03/12/2007	Thanh Hóa	6.0	8.0	6.0	6.3	Trung bình
37.	Nguyễn Quang	Trường	19/9/2007	Thanh Hóa	6.2	8.0	6.0	6.4	Trung bình
38.	Phạm Văn	Tuấn	13/10/2006	Thanh Hóa	5.9	8.0	6.0	6.3	Trung bình
39.	Trần Thanh	Tùng	31/10/2006	Thanh Hóa	6.6	8.0	7.0	7.0	Khá
III	Lớp TB16 – Ô tô 2								
1.	Nguyễn Khắc	A	16/9/2007	Thanh Hóa	6.2	7.0	6.0	6.3	Trung bình
2.	Lưu Trường	An	27/8/2007	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.0	6.8	Trung bình
3.	Lê Văn Quốc	Anh	31/5/2007	Thanh Hóa	7.1	6.5	7.5	7.1	Khá
4.	Lê Văn Tuấn	Anh	25/07/2007	Thanh Hóa	6.7	7.0	7.0	6.9	Trung bình
5.	Phan Văn Hoàng	Anh	20/4/2007	Thanh Hóa	6.7	7.0	6.5	6.7	Trung bình
6.	Trần Hữu Hoài	Anh	22/12/2007	Thanh Hóa	6.6	6.5	7.0	6.7	Trung bình

7.	Phạm Quốc	Đại	21/10/2007	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.0	6.8	Trung bình
8.	Lê Văn	Hà	16/12/2007	Thanh Hóa	6.8	7.0	6.0	6.6	Trung bình
9.	Nguyễn Đình Long	Hạo	07/11/2007	Thanh Hóa	6.5	7.0	7.0	6.7	Trung bình
10.	Lê Bá	Hậu	11/5/2007	Thanh Hóa	6.5	8.0	6.5	6.8	Trung bình
11.	Nguyễn Đức	Hiên	04/11/2007	Thanh Hóa	6.6	6.5	6.0	6.4	Trung bình
12.	Lê Bá	Hoàn	26/11/2007	Hà Tĩnh	6.3	7.0	6.0	6.3	Trung bình
13.	Lê Hữu Việt	Hoàng	11/11/2007	Thanh Hóa	6.6	7.0	6.5	6.6	Trung bình
14.	Hách Văn	Hùng	23/8/2007	Thanh Hóa	6.7	7.0	7.0	6.8	Trung bình
15.	Ngô Mạnh	Hùng	13/6/2007	Thanh Hóa	6.8	8.0	6.0	6.7	Trung bình
16.	Lê Đình	Huy	18/10/2007	Thanh Hóa	6.8	7.5	6.0	6.7	Trung bình
17.	Trần Ngọc	Huy	08/02/2007	Thanh Hóa	6.6	6.5	6.0	6.4	Trung bình
18.	Lê Huy Hoàng	Khang	12/10/2007	Thanh Hóa	6.6	7.5	6.5	6.7	Trung bình
19.	Nguyễn Đình	Linh	02/12/2007	Thanh Hóa	6.7	7.5	6.5	6.8	Trung bình
20.	Lê Đăng	Mạnh	06/7/2007	Thanh Hóa	6.7	7.0	6.0	6.5	Trung bình
21.	Đàm Lê Tiến	Minh	10/10/2007	Thanh Hóa	6.5	7.5	6.5	6.7	Trung bình
22.	Lê Hoàng	Minh	08/01/2007	Thanh Hóa	7.0	8.0	6.5	7.0	Khá
23.	Phùng Việt	Quang	23/01/2007	Thanh Hóa	6.4	7.0	6.5	6.6	Trung bình
24.	Trần Minh	Quân	01/10/2007	Ninh Bình	6.6	8.0	6.5	6.8	Trung bình
25.	Trịnh Trọng	Quyền	04/12/2007	Thanh Hóa	6.5	7.0	6.5	6.6	Trung bình
26.	Lê Văn	Sơn	23/8/2007	Gia Lai	6.8	8.0	7.0	7.1	Khá
27.	Chu Tất	Tài	18/12/2007	Thanh Hóa	7.1	7.0	6.5	6.9	Trung bình
28.	Lê Văn	Tập	18/12/2007	Thanh Hóa	6.7	8.0	7.0	7.0	Khá
29.	Phan Đình	Thanh	10/5/2007	Thanh Hóa	6.7	6.5	6.5	6.6	Trung bình
30.	Lê Minh	Thành	19/4/2007	Thanh Hóa	6.6	8.0	6.5	6.8	Trung bình
31.	Lê Duy	Thùy	26/5/2007	Thanh Hóa	6.4	7.0	6.0	6.4	Trung bình
32.	Lê Hữu	Tĩnh	13/11/2007	Thanh Hóa	6.4	7.0	6.5	6.5	Trung bình
33.	Phạm Văn Tiến	Trình	14/7/2007	Thanh Hóa	6.5	8.0	8.0	7.3	Khá
34.	Vi Văn	Trọng	24/01/2007	Thanh Hóa	6.6	8.0	7.0	7.0	Khá
35.	Hà Anh	Tuấn	09/4/2007	Thanh Hóa	6.4	8.0	6.5	6.7	Trung bình
36.	Trần Văn	Tươi	19/3/2007	Thanh Hóa	6.4	8.0	7.5	7.0	Khá
37.	Trần Công	Vinh	14/02/2007	Thanh Hóa	6.7	7.0	7.0	6.8	Trung bình

38.	Đào Trung	Vĩnh	11/5/2007	Thanh Hóa	6.7	7.0	6.5	6.7	Trung bình
39.	Lê Khắc	Vũ	17/12/2007	Thanh Hóa	7.1	7.0	6.5	6.9	Trung bình
IV	Lớp TB16 – Ô tô 3								
1.	Nguyễn Đức	Anh	09/02/2007	Thái Bình	7.2	7.0	8.0	7.4	Khá
2.	Nguyễn Hữu Quốc	Anh	25/4/2006	Thanh Hóa	6.2	8.0	6.0	6.4	Trung bình
3.	Lê Văn	Cảnh	24/11/2007	Thanh Hóa	6.4	8.0	6.0	6.5	Trung bình
4.	Lê Xuân	Dũng	16/02/2007	Thanh Hóa	6.6	7.5	6.0	6.6	Trung bình
5.	Lê Đức	Duy	22/03/2007	Bình Dương	7.3	7.0	7.0	7.2	Khá
6.	Lê Minh	Đạt	25/11/2006	Thanh Hóa	6.6	7.0	8.0	7.1	Khá
7.	Lê Như Trường	Giang	22/05/2007	Thanh Hóa	6.7	7.0	6.0	6.5	Trung bình
8.	Nguyễn Kim	Hải	10/06/2007	Thanh Hóa	6.1	7.0	7.0	6.6	Trung bình
9.	Nguyễn Minh	Hoàng	26/12/2007	Tây Ninh	6.1	6.5	6.0	6.1	Trung bình
10.	Phạm Văn	Hùng	08/8/2006	Thanh Hóa	6.2	6.0	6.0	6.1	Trung bình
11.	Lê Tuấn	Hưng	27/01/2007	Thanh Hóa	6.4	6.0	6.0	6.2	Trung bình
12.	Lương Anh	Huy	01/3/2007	Thanh Hóa	6.0	7.0	7.0	6.5	Trung bình
13.	Nguyễn Hữu	Huy	03/10/2007	Thanh Hóa	7.1	7.5	6.0	6.8	Trung bình
14.	Tạ Quang	Huy	28/6/2006	Thanh Hóa	6.4	7.0	7.0	6.7	Trung bình
15.	Lê Văn	Mạnh	03/8/2007	Thanh Hóa	6.4	8.0	6.0	6.5	Trung bình
16.	Lê Đình	Minh	02/5/2007	Thanh Hóa	6.3	7.5	6.0	6.4	Trung bình
17.	Nguyễn Đức	Minh	26/12/2007	Thanh Hóa	6.4	7.5	6.0	6.4	Trung bình
18.	Lê Trương	Nam	15/8/2006	Thanh Hóa	6.6	8.0	6.0	6.6	Trung bình
19.	Lê Văn	Nam	18/5/2007	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.0	6.3	Trung bình
20.	Lê Trương	Phúc	29/9/2007	Thanh Hóa	6.6	8.0	6.0	6.6	Trung bình
21.	Cao Thạch	Quân	28/10/2007	Thanh Hóa	6.8	8.0	6.0	6.8	Trung bình
22.	Lê Trọng	Sỹ	11/7/2007	Thanh Hóa	6.3	7.5	6.0	6.4	Trung bình
23.	Lường Đức	Tài	01/3/2006	Thanh Hóa	6.4	7.0	6.0	6.3	Trung bình
24.	Đình Ngọc	Tân	28/8/2007	Thanh Hóa	6.0	6.5	7.0	6.4	Trung bình
25.	Lê Sỹ	Thái	06/5/2007	Thanh Hóa	6.2	6.5	6.0	6.2	Trung bình
26.	Lê Trương	Thành	08/6/2007	Thanh Hóa	6.5	8.0	6.0	6.6	Trung bình
27.	Nguyễn Việt	Trường	23/12/2007	Thanh Hóa	6.5	7.0	6.0	6.4	Trung bình
28.	Lê Trương	Tuyên	18/8/2007	Thanh Hóa	6.5	7.0	6.0	6.4	Trung bình

29.	Đình Đức	Tuyền	25/7/2007	Thanh Hóa	6.2	6.0	6.0	6.1	Trung bình	
30.	Lê Minh	Vũ	24/7/2007	Thanh Hóa	7.4	7.0	8.0	7.5	Khá	
V	TB16 – G3 Ô tô									
1.	Nguyễn Văn Việt	Anh	14/7/2006	Thanh Hóa	6.8	7.0	8.0	7.2	Khá	
2.	Nguyễn Sỹ Hoàng	Anh	01/8/2007	Thanh Hóa	6.6	7.0	6.5	6.6	Trung bình	
3.	Nguyễn Chí Hoài	Anh	27/4/2006	Thanh Hóa	6.4	7.0	6.0	6.4	Trung bình	
4.	Đỗ Trọng	Bắc	09/10/2007	Thanh Hóa	6.6	7.0	6.5	6.6	Trung bình	
5.	Lê Đình	Biên	01/6/2007	Thanh Hóa	7.1	7.0	6.0	6.7	Trung bình	
6.	Hoàng Văn	Chung	02/8/2005	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.0	6.3	Trung bình	
7.	Lê Văn	Dữ	18/02/2007	Thanh Hóa	6.2	7.0	6.5	6.5	Trung bình	
8.	Lê Văn	Duy	17/6/2007	Thanh Hóa	6.9	7.0	6.0	6.6	Trung bình	
9.	Ngô Nguyễn Nhất	Duy	04/8/2007	Đồng Nai	6.8	7.0	6.0	6.6	Trung bình	
10.	Lê Đắc Thành	Đạt	25/7/2007	Thanh Hóa	7.2	7.0	6.0	6.7	Trung bình	
11.	Đỗ Đình	Diệp	13/9/2007	Thanh Hóa	6.5	7.0	6.5	6.6	Trung bình	
12.	Nguyễn Duy	Đông	28/11/2007	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.5	6.5	Trung bình	
13.	Trần Minh	Hiếu	14/04/2007	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.0	6.3	Trung bình	
14.	Trương Nho	Hùng	27/5/2007	Thanh Hóa	6.1	7.0	6.0	6.2	Trung bình	
15.	Phí Quốc	Khánh	19/10/2007	Thanh Hóa	6.0	7.0	8.0	6.8	Trung bình	
16.	Trần Huy	Kỳ	24/01/2007	Thanh Hóa	7.0	7.0	7.0	7.0	Khá	
17.	Nguyễn Hữu Thanh	Lâm	24/4/2007	Thanh Hóa	6.7	7.0	6.5	6.7	Trung bình	
18.	Ngô Văn	Nam	10/12/2007	Thanh Hóa	6.5	7.0	6.0	6.4	Trung bình	
19.	Nguyễn Thái Thành	Nam	17/5/2007	Thanh Hóa	5.8	7.0	6.0	6.2	Trung bình	
20.	Lê Tiến	Thịnh	19/9/2007	Thanh Hóa	6.8	7.0	6.0	6.5	Trung bình	
21.	Nguyễn Công	Tú	01/8/2007	Thanh Hóa	6.1	7.0	6.0	6.2	Trung bình	
22.	Nguyễn Anh	Tú	16/9/2007	Thanh Hóa	7.2	7.0	6.0	6.8	Trung bình	
23.	Phạm Văn	Tuấn	23/11/2007	Thanh Hóa	6.5	7.0	7.5	6.9	Trung bình	
24.	Nguyễn Hữu Thanh	Vinh	25/7/2007	Thanh Hóa	6.3	7.0	6.0	6.3	Trung bình	
B	Điện công nghiệp									
I	TA16 – Điện 2									
1.	Nguyễn Quốc	Dương	02/02/2004	Thanh Hóa	7.3	9.0	8.5	8.0	Giỏi	
2.	Hồ Quốc	Huy	10/11/2001	Thanh Hóa	7.7	8.0	8.0	7.8	Khá	

22

3.	Lê Văn Phúc	19/7/2004	Thanh Hóa	7.5	8.0	8.0	7.8	Khá	
4.	Vũ Hồng Sơn	04/7/1995	Thanh Hóa	8.0	9.0	9.0	8.5	Giỏi	
5.	Hà Xuân Trường	05/9/2000	Thanh Hóa	7.7	8.5	8.5	8.1	Khá	Hạ mức XL
II	TB16 – Điện								
1.	Lê Nguyễn Hoàng Anh	18/8/2007	Thanh Hóa	7.1	8.5	8.5	7.8	Khá	
2.	Nguyễn Đức Bảo	18/11/2007	Thanh Hóa	5.9	8.0	5.0	6.0	Trung bình	
3.	Hoàng Văn Bảo	6/9/2007	Thanh Hóa	6.0	7.0	6.0	6.2	Trung bình	
4.	Đỗ Văn Chiến	10/4/2007	Thanh Hóa	6.6	6.0	7.5	6.8	Trung bình	
5.	Phạm Anh Dũng	08/11/2007	Thanh Hóa	5.9	6.5	5.0	5.7	Trung bình	
6.	Lưu Văn Dương	11/8/2007	Thanh Hóa	5.9	8.0	6.0	6.3	Trung bình	
7.	Lê Văn Đạo	13/6/2007	Thanh Hóa	6.4	7.0	7.0	6.7	Trung bình	
8.	Lê Kinh Đạt	17/9/2007	Thanh Hóa	6.4	8.0	8.0	7.2	Khá	
9.	Lê Đình Đạt	03/02/2007	Thanh Hóa	6.5	8.0	6.5	6.7	Trung bình	
10.	Nguyễn Hoàng Hải	27/12/2007	Thanh Hóa	6.2	6.0	6.0	6.1	Trung bình	
11.	Nguyễn Huy Hoàng	10/5/2007	Thanh Hóa	6.4	7.0	6.5	6.5	Trung bình	
12.	Nguyễn Văn Hưng	10/6/2006	Thanh Hóa	7.2	8.5	8.5	7.9	Khá	
13.	Lê Văn Quốc Hưng	21/6/2007	Thanh Hóa	7.1	7.0	6.5	6.9	Trung bình	
14.	Lê Thọ Huy	06/9/2007	Thanh Hóa	6.1	8.0	6.5	6.5	Trung bình	
15.	Nguyễn Thanh Long	10/3/2007	Đồng Tháp	6.8	8.5	6.5	7.0	Khá	
16.	Lê Thế Mạnh	08/02/2007	Thanh Hóa	7.3	8.5	8.0	7.7	Khá	
17.	Lê Hà Nam	25/8/2007	Thanh Hóa	6.5	8.0	8.0	7.2	Khá	
18.	Doãn Trọng Nam	21/5/2007	Bình Dương	6.0	8.0	5.0	6.0	Trung bình	
19.	Lê Văn Anh Quân	22/8/2007	Thanh Hóa	6.7	8.0	6.5	6.8	Trung bình	
20.	Trần Xuân Quyền	10/6/2007	Thanh Hóa	5.9	7.0	6.0	6.1	Trung bình	
21.	Nguyễn Thái Sơn	09/4/2007	Thanh Hóa	6.4	7.0	7.5	6.9	Trung bình	
22.	Hoàng Quyết Thắng	14/11/2007	Thanh Hóa	7.1	7.0	8.0	7.4	Khá	
23.	Ngô Huy Thành	07/9/2007	Thanh Hóa	6.3	6.5	6.5	6.4	Trung bình	
24.	Lê Xuân Tiên	08/11/2007	Thanh Hóa	6.8	7.5	8.0	7.3	Khá	
25.	Vũ Quang Trung	27/4/2007	Bình Dương	6.5	6.0	8.5	7.1	Khá	
26.	Nguyễn Khắc Tuấn	14/4/2007	Thanh Hóa	6.4	7.0	6.0	6.4	Trung bình	
27.	Lê Đình Tuấn	07/12/2007	Thanh Hóa	6.7	7.0	8.0	7.2	Khá	

200

28.	Lê Đỗ	Tuấn	19/4/2007	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.5	7.0	Khá	
29.	Phạm Ngọc	Tuấn	18/9/2007	Thanh Hóa	6.3	7.0	8.0	7.0	Khá	
30.	Đặng Ngọc	Tuyền	09/3/2007	Thanh Hóa	7.0	8.5	8.5	7.7	Khá	
31.	Tào Ngọc	Văn	08/12/2006	Thanh Hóa	6.7	5.0	8.0	6.9	Trung bình	
32.	Lê Tuấn	Vinh	12/01/2007	Thanh Hóa	6.6	7.5	6.5	6.7	Trung bình	
33.	Lê Mai	Vũ	28/11/2007	Thanh Hóa	6.8	7.5	8.0	7.3	Khá	
II	TB16 – G1 Điện									
1.	Nguyễn Văn Thế	Anh	09/9/2007	Thanh Hóa	6.2	8.0	5.0	6.1	Trung bình	
2.	Bùi Xuân	Bình	17/3/2007	Thanh Hóa	6.1	8.0	6.0	6.4	Trung bình	
3.	Lê Đăng	Duẩn	04/10/2006	Thanh Hóa	7.4	8.0	7.5	7.5	Khá	
4.	Nguyễn Xuân	Dương	27/11/2007	Thanh Hóa	6.9	8.0	7.5	7.3	Khá	
5.	Nguyễn Hải	Đăng	10/8/2007	Thanh Hóa	6.4	8.0	6.0	6.5	Trung bình	
6.	Nguyễn Trọng	Đạt	26/3/2007	Thanh Hóa	6.9	7.0	7.0	6.9	Trung bình	
7.	Lê Ngọc	Giáp	21/12/2007	Thanh Hóa	7.1	8.0	7.5	7.4	Khá	
8.	Nguyễn Duy	Hải	07/9/2007	Thanh Hóa	6.8	7.0	7.0	6.9	Trung bình	
9.	Nguyễn Văn	Hải	23/7/2007	Thanh Hóa	6.4	6.0	8.0	6.9	Trung bình	
10.	Nguyễn Hữu	Hùng	25/10/2007	Thanh Hóa	6.1	7.0	6.0	6.2	Trung bình	
11.	Lê Văn	Minh	14/7/2007	Thanh Hóa	7.0	8.0	7.5	7.3	Khá	
12.	Nguyễn Duy	Minh	08/01/2007	Thanh Hóa	6.8	7.5	5.0	6.3	Trung bình	
13.	Đỗ Văn	Quân	15/11/2007	Thanh Hóa	6.5	8.0	8.0	7.3	Khá	
14.	Trịnh Hoàng	Quân	01/8/2007	Thanh Hóa	7.5	8.0	8.0	7.7	Khá	
15.	Vũ Tiến	Sơn	20/10/2007	Thanh Hóa	6.1	7.0	6.0	6.2	Trung bình	
16.	Lê Hùng	Thái	17/9/2007	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.5	7.0	Khá	
17.	Nguyễn Sỹ	Thuận	30/12/2006	Thanh Hóa	6.8	6.0	6.0	6.4	Trung bình	
18.	Nguyễn Trọng	Vũ	22/10/2007	Thanh Hóa	7.2	9.0	8.5	7.9	Khá	
C	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí									
I	Lớp TA16 - Điện lạnh 2									
1.	Lê Phạm	Dương	20/11/2003	Thanh Hóa	6.6	6.0	8.0	7.0	Khá	
2.	Lê Văn	Hoàng	11/10/2004	Thanh Hóa	7.5	8.5	8.0	7.9	Khá	
3.	Phạm Quốc	Khánh	10/10/2003	Thanh Hóa	6.6	5.5	7.0	6.6	Trung bình	
4.	Hoàng Minh	Khuê	03/4/1990	Thanh Hóa	7.6	8.0	7.5	7.7	Khá	

5.	Lê Văn	Nam	23/6/2003	Thanh Hóa	7.0	7.0	7.5	7.2	Khá
6.	Lê Đình	Tài	26/10/2004	Thanh Hóa	7.0	5.0	7.0	6.6	Trung bình
II	TB16 – Điện lạnh								
1.	Nguyễn Văn	An	20/11/2007	Thanh Hóa	6.9	6.0	8.0	7.1	Khá
2.	Mai Duy	Anh	07/9/2007	Thanh Hóa	6.7	7.0	7.0	6.9	Trung bình
3.	Dương Đình Tuấn	Anh	07/01/2007	Thanh Hóa	6.4	6.0	6.0	6.2	Trung bình
4.	Hà Minh	Chiến	20/9/2007	Thanh Hóa	6.5	5.5	7.0	6.5	Trung bình
5.	Nguyễn Văn	Cường	27/9/2007	Thanh Hóa	6.3	5.0	6.0	6.0	Trung bình
6.	Đàm Tiên	Dũng	19/11/2007	Thanh Hóa	6.7	8.5	7.0	7.1	Khá
7.	Lê Ngọc	Đạt	04/3/2007	Thanh Hóa	6.3	6.5	6.0	6.2	Trung bình
8.	Phạm Tiến	Đạt	29/6/2007	Bình Dương	6.5	8.5	7.0	7.0	Khá
9.	Trần Văn	Đạt	06/8/2006	Thanh Hóa	7.5	8.5	9.0	8.1	Giỏi
10.	Cao Gia	Hiếu	11/5/2007	Thanh Hóa	6.7	6.0	8.0	7.0	Khá
11.	Lê Đình	Hiếu	19/3/2007	Thanh Hóa	7.2	6.0	7.0	6.9	Trung bình
12.	Ngô Lê Minh	Hiếu	12/10/2007	TP. Hồ Chí Minh	6.8	6.0	8.0	7.1	Khá
13.	Bùi Huy	Hoàn	15/4/2007	Thanh Hóa	6.5	7.5	6.5	6.7	Trung bình
14.	Nguyễn Tuấn	Hùng	17/10/2007	Thanh Hóa	6.8	7.5	7.0	7.0	Khá
15.	Bùi Đặng	Huy	03/12/2007	Thanh Hóa	6.5	6.5	6.5	6.5	Trung bình
16.	Dương Văn	Lập	12/02/2007	Thanh Hóa	7.0	6.0	8.0	7.2	Khá
17.	Lê Đình	Minh	06/7/2007	Thanh Hóa	7.2	6.5	7.0	7.0	Khá
18.	Đỗ Khánh	Nam	26/7/2007	Thanh Hóa	6.7	8.0	6.5	6.8	Trung bình
19.	Cao Ngọc	Quân	06/11/2007	Thanh Hóa	6.4	7.0	7.0	6.7	Trung bình
20.	Phùng Văn	Quang	21/01/2007	Thanh Hóa	7.2	5.5	6.5	6.7	Trung bình
21.	Nguyễn Văn	Sáng	21/4/2007	Thanh Hóa	6.6	5.5	7.0	6.5	Trung bình
22.	Lê Xuân	Thắng	22/8/2007	Thanh Hóa	6.5	6.5	6.5	6.5	Trung bình
23.	Nguyễn Chí	Thiên	12/9/2007	Thanh Hóa	6.9	6.5	7.0	6.9	Trung bình
24.	Lê Thế	Trường	24/9/2007	Thanh Hóa	6.5	7.5	6.5	6.7	Trung bình
25.	Lê Văn	Trường	03/8/2007	Thanh Hóa	6.5	8.5	6.5	6.8	Trung bình
26.	Lê Văn	Tú	09/02/2007	Thanh Hóa	7.3	8.5	7.0	7.4	Khá
27.	Đỗ Duy	Tuấn	24/7/2007	Thanh Hóa	6.4	8.0	7.0	6.9	Trung bình
28.	Nguyễn Anh	Tuấn	21/11/2007	Đồng Nai	6.7	8.5	6.5	6.9	Trung bình

29.	Nguyễn Trung	Tường	22/01/2007	Thanh Hóa	6.7	8.0	7.5	7.2	Khá	
30.	Nguyễn Xuân	Vũ	25/8/2007	Thanh Hóa	6.7	7.5	7.0	6.9	Trung bình	
31.	Trịnh Bá	Vũ	19/12/2007	Thanh Hóa	7.4	7.5	7.0	7.3	Khá	
32.	Lê Văn	Xuân	17/8/2007	Thanh Hóa	6.2	7.0	6.5	6.4	Trung bình	
III	Lớp TB16 – G2 Điện lạnh									
1.	Lê Tuấn	Anh	22/4/2007	Đồng Nai	6.5	7.5	6.5	6.7	Trung bình	
2.	Nguyễn Tiến	Anh	07/12/2006	Thanh Hóa	7.3	6.0	7.5	7.1	Khá	
3.	Nguyễn Tùng	Dương	06/10/2007	Thanh Hóa	6.8	8.0	7.0	7.1	Khá	
4.	Lê Hữu Hải	Đặng	05/3/2007	Thanh Hóa	6.7	7.5	6.0	6.6	Trung bình	
5.	Hoàng Văn	Đạt	18/9/2007	Thanh Hóa	6.7	6.0	6.0	6.4	Trung bình	
6.	Lại Thế	Hoàng	08/8/2005	Thanh Hóa	6.4	6.0	6.0	6.2	Trung bình	
7.	Lê Việt	Khang	10/3/2006	Thanh Hóa	6.9	5.5	7.5	6.9	Trung bình	
8.	Hoàng Đình Tùng	Lâm	10/8/2007	Thanh Hóa	6.6	6.0	6.0	6.3	Trung bình	
9.	Nguyễn Hữu	Long	29/12/2007	Thanh Hóa	6.6	6.0	6.0	6.3	Trung bình	
10.	Cao Trọng	Mạnh	06/4/2007	Thanh Hóa	6.5	6.5	6.0	6.4	Trung bình	
11.	Lê Văn	Minh	19/8/2006	Thanh Hóa	6.6	6.0	6.0	6.3	Trung bình	
12.	Nguyễn Bình	Minh	14/02/2007	Thanh Hóa	6.7	6.0	7.0	6.7	Trung bình	
13.	Lê Thiêm	Nhật	08/11/2007	Thanh Hóa	7.2	7.5	7.5	7.3	Khá	
14.	Trần	Quảng	21/10/2007	Bình Phước	6.7	5.5	7.0	6.6	Trung bình	
15.	Hoàng Đình	Sĩ	16/10/2004	Thanh Hóa	6.6	5.0	7.5	6.6	Trung bình	
16.	Đỗ Xuân	Trung	25/9/2007	Thanh Hóa	7.0	7.5	7.5	7.2	Khá	
17.	Lê Văn	Vũ	22/7/2006	Thanh Hóa	6.6	5.0	7.0	6.5	Trung bình	
D	Điện tử công nghiệp (Lớp TB16 – G1 Điện tử)									
1.	Trịnh Đình	Chiến	18/12/2007	Thanh Hóa	7.1	9.0	8.0	7.7	Khá	
2.	Lê Tiến	Đạt	03/3/2007	Thanh Hóa	7.1	7.0	8.5	7.5	Khá	
3.	Lê Công	Hiếu	25/6/2007	Thanh Hóa	7.8	8.5	9.0	8.3	Giỏi	
4.	Phạm Văn	Hùng	19/8/2007	Thanh Hóa	7.4	8.5	9.0	8.1	Giỏi	
5.	Trần Xuân	Hưng	05/11/2007	Thanh Hóa	7.8	8.0	9.0	8.2	Giỏi	
6.	Lê Ngọc	Huy	25/11/2007	Thanh Hóa	6.7	6.5	8.0	7.1	Khá	
7.	Nguyễn Quang	Huy	31/12/2007	Thanh Hóa	7.1	9.0	8.5	7.9	Khá	
8.	Nguyễn Đức	Minh	16/5/2007	Thanh Hóa	6.6	7.0	8.0	7.1	Khá	

9.	Lê Công	Tâm	14/10/2007	Thanh Hóa	7.1	7.0	7.5	7.2	Khá
10.	Nguyễn Việt	Tâm	10/11/2007	Thanh Hóa	7.4	9.0	8.5	8.0	Giỏi
11.	Đỗ Xuân	Tân	24/11/2007	Thanh Hóa	7.6	8.5	8.0	7.9	Khá
12.	Nguyễn Văn	Thiệu	19/10/2007	Thanh Hóa	6.7	7.5	7.5	7.1	Khá
13.	Nguyễn Hữu	Tính	30/11/2007	Thanh Hóa	7.5	9.0	9.0	8.3	Giỏi
14.	Hoàng Công	Tuấn	08/01/2006	Thanh Hóa	6.9	6.5	7.5	7.0	Khá
15.	Nguyễn Anh	Tuấn	23/5/2007	Thanh Hóa	6.7	9.0	8.0	7.5	Khá
E	Công nghệ thông tin								
I	TA16 – CNTT 2								
1.	Nguyễn Văn	Hung	25/9/2006	Thanh Hóa	7.0	5.0	6.0	6.3	Trung bình
2.	Đỗ Gia	Khánh	31/8/2006	Thanh Hóa	6.8	7.5	7.0	7.0	Khá
II	TB16 – CNTT 1								
1.	Lê Văn Tuấn	Anh	25/11/2007	Thanh Hóa	7.0	5.5	6.5	6.6	Trung bình
2.	Nguyễn Thị Minh	Anh	24/10/2007	Thanh Hóa	7.4	8.0	6.5	7.2	Khá
3.	Lê Thị	Bích	25/08/2007	Thanh Hóa	7.2	8.0	7.0	7.3	Khá
4.	Nguyễn Văn	Dương	29/4/2007	TP. Hồ Chí Minh	6.5	7.0	6.5	6.6	Trung bình
5.	Lê Văn	Duy	08/10/2007	Thanh Hóa	6.4	6.0	6.5	6.3	Trung bình
6.	Nguyễn Văn Đức	Duy	05/10/2007	Thanh Hóa	6.7	8.0	7.0	7.0	Khá
7.	Quách Duy	Đoàn	25/3/2007	Thanh Hóa	6.4	6.5	6.0	6.3	Trung bình
8.	Nguyễn Hà	Đông	23/9/2007	Thanh Hóa	6.2	7.0	5.5	6.1	Trung bình
9.	Hà Thị	Giang	29/11/2007	Thanh Hóa	7.7	8.0	6.5	7.3	Khá
10.	Nguyễn Thị Trà	Giang	12/10/2007	Thanh Hóa	7.5	8.0	8.5	7.9	Khá
11.	Nguyễn Đình	Giáp	09/01/2007	Thanh Hóa	6.7	5.5	6.5	6.4	Trung bình
12.	Nguyễn Minh	Giáp	29/9/2006	Thanh Hóa	6.7	6.5	6.5	6.6	Trung bình
13.	Lê Thị Thu	Hằng	16/4/2007	Thanh Hóa	7.0	8.0	6.5	7.0	Khá
14.	Nguyễn Hữu Minh	Hiếu	24/12/2007	Thanh Hóa	6.8	8.0	7.5	7.2	Khá
15.	Nguyễn Khắc	Hiếu	12/11/2004	Thanh Hóa	7.2	7.0	7.5	7.2	Khá
16.	Hoàng Văn	Hung	20/01/2007	Thanh Hóa	6.3	7.5	6.5	6.6	Trung bình
17.	Đình Đức Anh	Kiệt	03/10/2007	Thanh Hóa	7.1	7.5	7.5	7.3	Khá
18.	Cao Phương	Linh	20/6/2007	Thanh Hóa	6.5	7.0	6.0	6.4	Trung bình
19.	Nguyễn Khánh	Linh	01/10/2007	Thanh Hóa	6.0	7.5	6.5	6.4	Trung bình

24

20.	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/01/2007	TP. Hồ Chí Minh	7.0	8.0	6.5	7.0	Khá
21.	Hoàng Biên	Long	26/9/2007	Thanh Hóa	7.1	5.5	7.5	7.0	Khá
22.	Nguyễn Thị	Luu	27/8/2007	Thanh Hóa	6.9	7.5	6.5	6.9	Trung bình
23.	Dương Văn	Mạnh	10/8/2007	Thanh Hóa	7.6	6.5	7.0	7.2	Khá
24.	Lê Đình	Mạnh	16/9/2007	Thanh Hóa	7.0	7.5	7.5	7.3	Khá
25.	Lê Thị Trà	My	01/12/2007	Thanh Hóa	6.9	7.5	6.5	6.9	Trung bình
26.	Đàm Thị	Nga	27/12/2007	Thanh Hóa	7.3	7.5	6.5	7.1	Khá
27.	Lê Thị Bảo	Ngọc	24/7/2007	Thanh Hóa	7.0	7.0	6.0	6.7	Trung bình
28.	Nguyễn Đức	Nhân	23/12/2007	Thanh Hóa	6.6	7.5	6.0	6.6	Trung bình
29.	Lê Nguyễn Tâm	Như	06/10/2007	Thanh Hóa	6.7	7.5	6.0	6.6	Trung bình
30.	Trần Vinh	Quang	30/10/2007	Thanh Hóa	6.8	8.0	7.5	7.2	Khá
31.	Lê Quang	Son	21/7/2007	Thanh Hóa	6.8	6.5	7.0	6.8	Trung bình
32.	Đỗ Duy	Thái	09/4/2007	Thanh Hóa	7.1	7.0	7.5	7.2	Khá
33.	Lê Văn	Thắng	03/6/2007	Thanh Hóa	6.8	7.0	7.0	6.9	Trung bình
34.	Nguyễn Tùng	Thắng	04/12/2006	TP. Hồ Chí Minh	6.8	7.0	7.0	6.9	Trung bình
35.	Nguyễn Đình	Thành	20/9/2005	Thanh Hóa	7.7	6.5	9.0	7.9	Khá
36.	Vũ Phan Xuân	Thành	14/7/2006	Thanh Hóa	6.3	6.0	6.5	6.3	Trung bình
37.	Nguyễn Thị Huyền	Trang	06/10/2007	Thanh Hóa	6.7	7.0	6.0	6.5	Trung bình
III	TB16 – CNTT 2								
1.	Vũ Nhật	Anh	01/5/2007	Thanh Hóa	6.8	6.0	7.0	6.7	Trung bình
2.	Vũ Tuấn	Anh	19/9/2007	Thanh Hóa	7.0	7.0	9.0	7.7	Khá
3.	Nguyễn Gia	Bảo	05/6/2007	Thanh Hóa	6.2	6.0	7.5	6.6	Trung bình
4.	Hoàng Yên	Chi	22/10/2007	Thanh Hóa	6.8	7.5	7.5	7.1	Khá
5.	Trần Linh	Chi	01/01/2007	Thanh Hóa	6.6	7.0	8.0	7.1	Khá
6.	Dương Đình	Chung	07/01/2007	Thanh Hóa	6.8	6.5	6.5	6.6	Trung bình
7.	Đình Nhật	Duy	24/9/2007	TP. Hồ Chí Minh	7.2	5.5	8.0	7.2	Khá
8.	Lê Văn	Duy	11/12/2007	Thanh Hóa	6.6	6.0	6.5	6.5	Trung bình
9.	Doãn Thị	Dinh	17/9/2007	Thanh Hóa	6.4	6.5	7.0	6.6	Trung bình
10.	Trương Cao Linh	Đan	07/02/2007	Thanh Hóa	7.1	8.0	7.5	7.4	Khá
11.	Trần Xuân Hải	Đặng	06/12/2007	Thanh Hóa	7.1	7.0	7.5	7.2	Khá
12.	Lê Bá	Đạt	23/02/2007	Thanh Hóa	7.0	6.0	6.5	6.7	Trung bình



13.	Lê Bá	Đức	26/6/2007	Thanh Hóa	6.5	6.5	7.0	6.6	Trung bình
14.	Lê Minh	Đức	06/10/2007	Thanh Hóa	6.7	5.0	6.5	6.3	Trung bình
15.	Nguyễn Lê Minh	Đức	10/12/2007	Thanh Hóa	6.5	7.0	7.0	6.8	Trung bình
16.	Phạm Nguyễn Anh	Đức	13/01/2007	Thanh Hóa	6.9	8.0	7.5	7.3	Khá
17.	Nguyễn Hữu	Hoàng	20/12/2007	Thanh Hóa	7.2	6.0	7.5	7.1	Khá
18.	Nguyễn Doãn	Hung	07/9/2007	Thanh Hóa	6.3	6.0	7.0	6.5	Trung bình
19.	Mai Anh	Kiệt	14/12/2007	Thanh Hóa	6.4	7.0	6.5	6.5	Trung bình
20.	Phan Tuấn	Kiệt	19/5/2007	TP. Hồ Chí Minh	6.9	7.0	8.0	7.3	Khá
21.	Hà Khánh	Linh	22/02/2007	Thanh Hóa	6.5	8.0	8.0	7.3	Khá
22.	Nguyễn Việt Tuấn	Linh	23/12/2007	Nghệ An	6.8	5.8	6.5	6.5	Trung bình
23.	Lê Phú	Lương	18/10/2007	Thanh Hóa	6.8	5.0	7.0	6.6	Trung bình
24.	Lê Hoàng	Nghĩa	16/12/2007	Thanh Hóa	6.5	7.5	8.0	7.2	Khá
25.	Đỗ Nguyễn	Phong	19/10/2007	Thanh Hóa	6.5	7.0	8.0	7.1	Khá
26.	Lê Chân	Phong	21/10/2006	Đăk Lăk	7.3	7.5	8.0	7.6	Khá
27.	Nguyễn Duy	Phong	19/10/2007	Thanh Hóa	6.9	7.0	8.0	7.3	Khá
28.	Lê Đăng	Quân	12/12/2007	Thanh Hóa	6.6	6.5	7.0	6.7	Trung bình
29.	Nguyễn Đức	Quý	23/3/2006	Thanh Hóa	6.7	7.5	7.0	6.9	Trung bình
30.	Lê Thị Như	Quỳnh	30/12/2007	Thanh Hóa	7.2	8.0	7.5	7.4	Khá
31.	Cao Đức	Sơn	01/10/2007	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.5	6.9	Trung bình
32.	Đào Minh	Sơn	29/11/2007	Thanh Hóa	6.6	8.0	8.0	7.3	Khá
33.	Lê Anh	Tài	08/12/2007	Thanh Hóa	7.2	7.0	8.0	7.4	Khá
34.	Lê Quang	Tâm	07/4/2007	Thanh Hóa	6.5	5.0	8.0	6.8	Trung bình
35.	Vũ Bá	Tâm	22/12/2007	Thanh Hóa	7.5	7.0	8.0	7.6	Khá
36.	Lê Hồng	Thiện	19/8/2007	Thanh Hóa	6.5	6.5	7.0	6.7	Trung bình
37.	Dương Văn	Thịnh	31/7/2007	Thanh Hóa	6.9	6.0	7.0	6.8	Trung bình
38.	Lê Thị Minh	Thu	14/11/2007	Thanh Hóa	6.5	7.5	7.5	7.0	Khá
39.	Lê Thị	Thư	03/4/2007	Thanh Hóa	7.0	7.5	8.0	7.4	Khá
40.	Phạm Minh	Thư	29/8/2007	Thanh Hóa	6.8	8.0	7.5	7.2	Khá
41.	Nguyễn Thị	Thùy	08/7/2007	Thanh Hóa	6.5	7.5	7.5	7.0	Khá
42.	Cao Đăng	Trung	01/9/2007	Thanh Hóa	6.5	7.5	7.0	6.8	Trung bình
43.	Nguyễn Quốc	Việt	22/7/2007	Bắc Giang	6.6	7.0	7.0	6.8	Trung bình

Handwritten mark

F	Điện - Nước									
I	TA16 – Điện nước									
1.	Nguyễn Thanh	Mùng	20/12/2003	Thanh Hóa	8.1	7.5	9.0	8.3	Giỏi	
II	Lớp TB16 – G1 Điện nước									
1.	Lê Ngọc Hải	Đặng	26/8/2007	Thanh Hóa	7.3	8.5	8.0	7.7	Khá	
2.	Lê Duy	Đạt	19/02/2007	Thanh Hóa	7.0	7.5	7.0	7.1	Khá	
3.	Nguyễn Văn Hoàng	Khang	28/11/2007	Thanh Hóa	7.1	7.0	8.0	7.4	Khá	
4.	Chu Đình	Phúc	23/9/2007	Thanh Hóa	6.8	7.5	7.0	7.0	Khá	
5.	Nguyễn Hữu Hoàng	Quân	21/5/2007	Thanh Hóa	6.9	6.0	7.0	6.8	Trung bình	
G	Máy thời trang									
I	TA16 – Máy 1									
1.	Võ Thị	Ngân	27/5/2004	Thanh Hóa	8.5	9.0	9.0	8.8	Giỏi	
2.	Phan Kiều	Thư	13/6/2006	Thanh Hóa	7.8	8.0	8.0	7.9	Khá	
II	TB16 – G2 Máy									
1.	Dương Ngọc	Anh	18/7/2007	Thanh Hóa	7.6	8.5	9.0	8.2	Giỏi	
2.	Dương Vân	Anh	18/7/2007	Thanh Hóa	7.5	8.5	9.0	8.2	Giỏi	
3.	Nguyễn Thị Lan	Anh	13/10/2007	Thanh Hóa	6.9	7.0	7.5	7.1	Khá	
4.	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	09/8/2007	Thanh Hóa	6.2	6.0	7.0	6.4	Trung bình	
5.	Nguyễn Phương	Anh	17/12/2007	Thanh Hóa	7.7	7.5	9.0	8.1	Giỏi	
6.	Đỗ Trần Thanh	Bình	11/7/2007	Hà Nội	7.0	6.0	8.0	7.2	Khá	
7.	Lê Thùy	Dung	25/8/2007	Thanh Hóa	6.0	6.0	7.0	6.3	Trung bình	
8.	Nguyễn Thị	Dung	07/8/2007	Thanh Hóa	7.6	8.0	8.5	8.0	Giỏi	
9.	Lê Ngọc	Đôn	17/12/2007	Thanh Hóa	6.3	7.0	7.5	6.8	Trung bình	
10.	Nguyễn Thị	Hường	25/7/2006	Thanh Hóa	5.8	5.0	6.5	5.9	Trung bình	
11.	Dương Thanh	Huyền	04/10/2007	Thanh Hóa	7.7	8.0	8.5	8.0	Giỏi	
12.	Nguyễn Thùy	Linh	02/8/2007	Thanh Hóa	7.4	7.5	7.0	7.3	Khá	
13.	Tô Thị	Linh	25/11/2007	Thái Bình	7.2	7.5	8.0	7.5	Khá	
14.	Cao Ngọc	Mai	25/6/2007	Thanh Hóa	6.8	6.0	8.0	7.0	Khá	
15.	Phùng Thị Trà	My	06/7/2007	Thanh Hóa	7.2	8.0	7.5	7.4	Khá	
16.	Lê Thị Kim	Ngân	01/12/2007	Thanh Hóa	7.1	7.5	8.0	7.5	Khá	
17.	Ngô Lê	Phương	16/10/2007	Thanh Hóa	5.8	5.5	6.0	5.8	Trung bình	

18.	Trần Thị	Phương	01/7/2007	Thanh Hóa	7.0	8.0	7.5	7.3	Khá	
19.	Đào Thị	Thảo	02/9/2007	Bắc Giang	6.2	7.0	7.0	6.6	Trung bình	
20.	Phạm Thị	Thúy	04/10/2007	Thanh Hóa	6.7	8.0	7.5	7.2	Khá	
21.	Lê Thị Thùy	Trang	17/9/2007	Thanh Hóa	6.0	7.0	7.0	6.5	Trung bình	
H	Hàn (Lớp TB16 – G3 Hàn)									
1.	Nguyễn Văn Thế	Anh	25/02/2007	Thanh Hóa	7.7	7.0	7.0	7.3	Khá	
2.	Lê Việt	Duy	30/8/2007	Thanh Hóa	7.3	8.0	8.0	7.6	Khá	
3.	Trần Thế	Đan	05/9/2007	Thanh Hóa	7.3	8.0	8.0	7.6	Khá	
4.	Nguyễn Trung	Nam	29/7/2007	Thanh Hóa	7.1	8.0	8.0	7.5	Khá	
5.	Nguyễn Duy	Tài	21/02/2007	Thanh Hóa	6.8	7.0	7.0	6.9	Trung bình	
6.	Lê Đình	Trung	09/9/2007	Thanh Hóa	7.4	9.0	9.0	8.2	Giỏi	
K	Cắt gọt kim loại									
I	TA16 – CGKL 2									
1.	Nguyễn Đăng	Tùng	06/4/2006	Thanh Hóa	7.8	7.0	8.0	7.7	Khá	
II	Lớp TB16 – G3 CGKL									
1.	Vương Đình	Anh	29/9/2007	Thanh Hóa	6.8	8.5	7.0	7.1	Khá	
2.	Nguyễn Ngọc	Hung	10/9/2007	Thanh Hóa	7.5	7.5	8.0	7.6	Khá	
3.	Nguyễn Đức	Thạo	21/02/2007	Thanh Hóa	6.5	8.0	7.0	6.9	Trung bình	
4.	Nguyễn Ngọc	Tâm	18/11/2007	Thanh Hóa	7.2	7.0	7.5	7.3	Khá	
5.	Nguyễn Như	Trung	22/9/2007	Thanh Hóa	7.1	7.0	7.5	7.2	Khá	
6.	Nguyễn Quang	Vinh	14/02/2007	Thanh Hóa	6.9	7.0	7.0	6.9	Trung bình	
7.	Phạm Thái Công	Vinh	09/01/2007	Đông Nai	6.6	7.0	7.0	6.8	Trung bình	
L	Nguội sửa chữa máy công cụ (Lớp TB16 – G3 Nguội)									
1.	Nguyễn Văn	Long	12/5/2007	Thanh Hóa	7.2	7.5	8.0	7.5	Khá	
2.	Lê Công	Tâm	05/6/2006	Thanh Hóa	7.2	8.0	9.0	7.9	Khá	
3.	Nguyễn Duy	Tuyên	17/10/2007	Thanh Hóa	7.0	7.0	8.0	7.3	Khá	
L	Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông									
I	TA16 - CNKTĐTTT									
1.	Nguyễn Ngọc	Hiếu	10/10/2004	Đắc Lắc	6.5	6.0	7.0	6.6	Trung bình	
2.	Trần Bá	Phong	24/11/2007	Thanh Hóa	6.4	5.5	7.0	6.5	Trung bình	

II	TB16 – G2 CNKTĐTTT									
1.	Lê Phú	Đạt	19/8/2007	Thanh Hóa	7.5	7.5	9.0	8.0	Giỏi	
2.	Dương Đình	Hà	14/4/2007	Thanh Hóa	7.6	8.0	9.0	8.1	Giỏi	
3.	Hoàng Huy	Ngọc	28/02/2007	Thanh Hóa	7.1	7.0	8.0	7.4	Khá	
4.	Dương Đình	Phi	03/8/2006	Thanh Hóa	7.1	8.0	8.0	7.6	Khá	

Ghi chú: 01 sinh viên có môn học, môn đôn thi lại hoặc học lại, bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp (Giỏi xuống Khá)

(Ấn định danh sách này gồm 399 học sinh)

